

Bản án số: 153/2017/HSST
Ngày: 08/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1/Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

2/Bà Đỗ Thị A.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

- Ông Nguyễn Hoài Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ: 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 124/2017/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Lương Văn U - Giới tính: Nam; sinh năm: 1990 tại Cà Mau; thường trú: thị trấn T, huyện B, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; con ông: Lương Văn T (chết); và bà: Nguyễn Thị T; tiền án: 01 (ngày 23/9/2015 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 157/2015/HSST); tiền sự: không; bị bắt giữ ngày: 16/7/2017.

(Bị cáo có mặt)

- Người bị hại:

1/Võ Thanh A – Sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Trú tại: đường K, Phường X, Quận Y, TP.HCM.

2/Cao Hiệp Bảo C – Sinh năm: 1987(vắng mặt).

Trú tại: đường T, Phường X, Quận Y, TP.HCM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Trần Thị Kim N (vắng mặt).

Trú tại: khu phố T, phường B, quận Đ, TP.HCM.

2/Dương Văn K – Sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Trú tại: xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

3/Trần Kiều N – Sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Trú tại: xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ 00 ngày 13/7/2017, Lương Văn U điều khiển xe mô tô biển số 52X5-2534 đến nhà số 45A đường Hồ Bá Kiện, Phường 15, Quận 10 để thuê ở phòng trọ (khách đến thuê trọ thì tự quản lý tài sản của mình, khóa cửa khi đi ra ngoài); khi vào phòng trọ để ở, U nhìn thấy khoen cửa phòng của chị Võ Thanh A (đối diện phòng trọ của U) bị bung mối hàn nên nảy sinh ý định phá khóa tìm tài sản để chiếm đoạt, U lại gần cửa phòng, dùng hai tay nạy mạnh làm khoen cửa rộng ra, U kéo ổ khóa, bước vào phòng và đóng cửa lại, U tìm trong tủ lấy 01 túi xách, trong túi xách có 01 bóp nhỏ (không có tài sản) và 01 hộp nhỏ để 01 đôi bông tai màu vàng có đính các hạt đá màu trắng, U lấy đôi bông tai bỏ vào túi áo khoác bên trái và lấy thêm máy tính xách tay hiệu Dell màu đen (đặt giữa phòng) cất vào balô; khoảng 5 phút sau, U tiếp tục đi lên lầu 1 nhìn thấy ổ khóa phòng của chị Cao Hiệp Bảo C bị hở, U dùng ổ khóa bị hỏng nạy mạnh vào khoen cửa phòng chị C làm khoen cửa bị gãy, U đi vào trong phòng và lấy các tài sản của chị C gồm: 01 máy tính xách tay hiệu Asus màu đen, 01 ống kính máy chụp hình hiệu Nikon, 3.000 yên Nhật, 09 dollar Mỹ rồi đi ra ngoài; sau đó, U cất tài sản vào balô, lấy xe và định chạy thoát. Khi U dắt xe ra ngoài thì chị Lê Thị Ngọc L và chị Bùi Thị Lan P nghi vấn nên giữ U và vật chứng, đồng thời trình báo sự việc đến Công an Phường 15, Quận 10; Công an Phường 15, Quận 10 đã đưa U cùng tang vật về trụ sở làm rõ, lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra làm rõ.

Tài sản bị chiếm đoạt là: 01 laptop chính hãng hiệu Dell Latitude E5500 đã qua sử dụng (trị giá tài sản 2.000.000 đồng), 01 laptop chính hãng hiệu Asus X402C đã qua sử dụng (trị giá tài sản 1.000.000 đồng), 01 ống kính máy ảnh hiệu Nikon DX-AF-SNIKKOR đã qua sử dụng (trị giá tài sản 1.500.000 đồng), 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 yên Nhật (trị giá tài sản 198.000 đồng), 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 yên Nhật (trị giá tài sản 396.000 đồng), 04 tờ tiền mệnh giá 02 dollar Mỹ (trị giá tài sản 181.600 đồng), 01 tờ tiền mệnh giá 01 dollar Mỹ (trị giá tài sản 22.700 đồng), 01 đôi bông tai màu vàng (trị giá tài sản 1.390.480 đồng); tổng trị giá tài sản là 6.688.780 đồng. Số tài sản đã được thu hồi và trả lại cho các chị Cao Hiệp Bảo C và chị Võ Thanh A. Nhận lại tài sản, chị A và chị C không yêu cầu gì khác.

Ngày 16/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã tiến hành bắt khẩn cấp và điều tra đối với Lương Văn U về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 52X5-2534, qua xác minh xác định chị Trần Thị Kim N đứng tên chủ sở hữu; ngày 16/9/2016, chị Trần Thị Kim N ủy quyền cho chị Trần Kiều N (là bạn gái của U) quản lý, sử dụng, bán tặng cho chiếc xe trên (có hợp đồng ủy quyền); ngày 13/7/2017, Lương Văn U sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội, chị N không biết nên Công an Quận 10 trả lại chiếc xe trên cho phía chị N.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 02 tháng 10 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố Lương Văn U về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Bị cáo Lương Văn U đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lương Văn U đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, người bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn) và nhân thân của bị cáo; đã đề nghị áp dụng khoản 1, 5 Điều 138; khoản 1 Điều 49; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lương Văn U; xử phạt bị cáo Lương Văn U từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, đồng thời phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: không có gì đề Tòa giải quyết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai người bị hại, người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh hiện trường, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lương Văn U phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Đề có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã cùng đồng phạm lén lút, lợi dụng sự sơ hở của người khác, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản qua định giá là 6.688.780 đồng; do vậy bị cáo bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Ngoài ra, Hội đồng xét xử cần nhận định thêm như sau: do bị cáo chiếm đoạt các tài sản của hai người bị hại liên tục, nên cần thiết cộng giá trị tài sản để xác định giá trị tài sản chiếm đoạt đối với bị cáo, nhưng không áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; ngoài ra bản thân bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể: ngày 23/9/2015 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội ít nghiêm trọng do cố ý, hành vi này là tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009). Do vậy cần phải đưa ra xét xử nghiêm minh, tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo, qua đó tác dụng răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đồng thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương; đồng thời áp dụng khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) phạt bổ sung bị cáo một số tiền, sung quỹ Nhà nước.

Tuy nhiên xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm p, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: do tài sản đã được thu hồi và giao trả lại cho các người bị hại, nên không có gì để Tòa giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn U phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1, 5 Điều 138; khoản 1 Điều 49; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lương Văn U;

Xử phạt bị cáo Lương Văn U 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 16/7/2017.

Phạt bổ sung bị cáo U 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc :

- Bị cáo U chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhân:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Triệu Luật